

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KHÁNH HÒA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 15-10-2018

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hiến
2. Bà Lê Thị Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Phan Minh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị L, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Đình T, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà và ông Lê Đình T chung sống với nhau và gia đình hai bên đã tổ chức lễ cưới vào năm 2003 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Qua quá trình chung sống bà và ông T có với nhau hai con chung là Lê Đình Hồng Q, sinh ngày 17/3/2004 và Lê Đình Tr, sinh ngày 25/5/2006.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T có tính ghen tuông vô cớ về nhà tìm cách gây sự đánh đập vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T vẫn không thay đổi nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hòa giải được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không

thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lê Đình T.

Về con chung: Bà tự nguyện nuôi hai con chung là Lê Đình Hồng Q, sinh ngày 17/3/2004 và Lê Đình Tr, sinh ngày 25/5/2006 đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông T.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Đình T trình bày:

Ông và bà Lê Thị L chung sống với nhau và gia đình hai bên đã tổ chức lễ cưới vào năm 2003 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông và bà L có hai con chung tên Lê Đình Hồng Q, sinh ngày 17/3/2004 và Lê Đình Tr, sinh ngày 25/5/2006.

Cuộc sống hôn nhân của ông bà hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây ông đi làm ăn xa ở huyện Vạn Ninh nên ít có thời gian quan tâm đến gia đình vì vậy bà L có làm đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng. Ông nhận thấy mâu thuẫn của gia đình chưa trầm trọng đến mức phải ra Tòa giải quyết nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Về con chung: Nếu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông xin tự nguyện giao hai con chung tên Lê Đình Hồng Q, sinh ngày 17/3/2004 và Lê Đình Tr, sinh ngày 25/5/2006 cho bà L trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà L.

Cháu Lê Đình Hồng Q, Lê Đình Tr có nguyện vọng xin ở với mẹ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị L vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu không công nhận vợ chồng đối với ông Lê Đình T; về con chung: Bà tự nguyện nuôi hai con chung là Lê Đình Hồng Q, sinh ngày 17/3/2004 và Lê Đình Tr, sinh ngày 25/5/2006 đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông T.

Bị đơn ông Lê Đình T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về con chung: Ông tự nguyện giao hai con chung tên Lê Đình Hồng Q, sinh ngày 17/3/2004 và Lê Đình Tr, sinh ngày 25/5/2006 cho bà L trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn bà Lê Thị L; về con chung: Giao con chung là Lê Đình Hồng Q, sinh ngày 17/3/2004 và Lê Đình Tr, sinh ngày 25/5/2006 cho bà Lê Thị L trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ông Lê Đình T không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị L yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng với bị đơn ông Lê Đình T hiện cư trú tại: Thôn 4, xã Ninh Thượng, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã căn cứ theo đơn khởi kiện xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*”, tuy nhiên việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp như đã nêu là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Lê Đình T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức đám cưới vào năm 2003 tuy nhiên đến nay không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, nguyên đơn bà Lê Thị L yêu cầu không công nhận vợ chồng với bị đơn ông Lê Đình T là có cơ sở nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị L theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Theo tài liệu giấy khai sinh và lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì có hai con chung là Lê Đình Hồng Q, sinh ngày 17/3/2004 và Lê Đình Tr, sinh ngày 25/5/2006 cho bà Lê Thị L. Bà Lê Thị L tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Q, cháu Tr đang ở với bà L và có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà L sau khi bố mẹ ly hôn. Ông Lê Đình T cũng đồng ý giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như bảo đảm sự phát triển toàn diện và cuộc sống ổn định cho hai con chung, Hội đồng xét xử xét nên giao cháu Q, cháu Tr cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Lê Thị L, bị đơn ông Lê Đình T không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được

chấp nhận toàn bộ.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị L và ông Lê Đình T là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Đình Hồng Q, sinh ngày 17/3/2004 và Lê Đình Tr, sinh ngày 25/5/2006 cho bà Lê Thị L trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Lê Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Đình T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003760 ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Ninh Thượng, thị xã Ninh Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Thịnh